

Bản án số: **189/2025/ HS-PT**
Ngày: 21/08/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các thẩm phán: Ông **Trần Minh Long**

Ông **Bùi Trọng Danh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 137/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 07 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Nhật S, Lê Tự V, Trần Đông H và bị hại là ông Cao Thanh A do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025/HS-ST ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam (*nay là TAND khu vực 7, TP Đà Nẵng*). Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:165/2025/QĐXXPT- HS ngày 08 tháng 08 năm 2025.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Nhật S (R), sinh ngày 10 tháng 8 năm 1990; Nơi sinh: tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (nay là xã P, thành phố Đà Nẵng); Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc Á và bà Nguyễn Thị T (*đều còn sống*); có vợ là Trần Thị Thu H1 và có 02 (*hai*) con, (*con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017*); Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Tự V, sinh ngày 05 tháng 5 năm 1995; Nơi sinh: tỉnh Quảng Nam; Nơi ĐKNKTT: Tổ M, thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Phường Đ, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Tự T1 và bà Nguyễn Thị Hồng P (*đều còn sống*); có vợ là Trần Thị Thu H2 và có 01(*một*) con sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: không.

Về nhân thân:

- Ngày 29/8/2013 bị Công an thị trấn T, huyện B xử phạt hành chính 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), về hành vi xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác. (*Quyết định số 51/QĐ-XPHC ngày 29/8/2013*).

- Ngày 01/11/2017, bị Công an thị trấn T, huyện B xử phạt hành chính 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), về hành vi xâm hại hoặc thuê người khác xâm hại đến sức khỏe người khác. (*Quyết định số 770/QĐ-XPHC ngày 01/11/2017*).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Đông H, sinh ngày 16 tháng 01 năm 1982; Nơi sinh: tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, (nay là xã P, thành phố Đà Nẵng), Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H3 và bà Bùi Thị P1 (*đều còn sống*); có vợ là Đoàn Thị S1 và có 03(*ba*) con, (*con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2019*); Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại có kháng cáo: Ông **Cao Thanh A (B)**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (Nay là xã P, thành phố Đà Nẵng). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước đây, giữa Trần Thanh H4 và Cao Thanh A xảy ra va chạm giao thông nên có mâu thuẫn với nhau. Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 04/7/2022, Anh gọi điện cho H4 hỏi: “*mi có ở nhà không?*”, H4 không biết Anh gọi mà nghĩ là bạn bè nên nói: “*đang ở nhà đây?*” và hỏi lại “*đưa mô đó bây?*”, A nói lại: “*cha mi đây, mi ở nhà chờ tí ra chặt đầu mi giờ*”. H4 nhìn số điện thoại thì mới nhận ra là A gọi nên nói với A: “*mi nhỏ mà mất dạy, tao cũng đáng tuổi cha tuổi chú mi mà nói hỗn*”, A nói lại: “*mi hứa đánh tao, đánh không được thì làm con tao, giờ mi vô đây quỳ lạy tao bỏ qua*”. Lúc này, tại nhà H4 có Trần Đông H (*là em ruột H4*) và Lê Tự V (*là em rể H4*). H4 nói cho H và V biết việc A gọi điện nói hỗn, đòi chém H4. Một lúc sau, Anh tiếp tục gọi điện cho H4, lúc này H4 đang ở nhà dưới nên H nghe máy, thấy A nói giọng thách đố, khiêu khích “*ngon thì vào nhà*”, H nói lại “*ngon thì mi ra đây tao đợi ở nhà*”. Sau khi H4 lên, H có nói lại cho H4 biết. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H bức tức chuyện Anh nhỏ mà nói hỗn nên lấy điện thoại của H4 gọi cho A, mở loa ngoài cho mọi người cùng nghe. Anh vẫn nói giọng thách thức và yêu cầu H4 vào nhà A, nên H4 lấy xe mô tô đi đến nhà Anh để nói chuyện. Do lo sợ xảy ra đánh nhau nên Bành Thị Kim T2 (*là vợ H4*) gọi điện cho em rể H4 là Nguyễn Nhật S nhờ S đến nhà Anh xem tình hình thế nào. Lúc này, S đang chở vợ con đi ngoài đường, khi nghe T2 gọi thì S chở vợ con đến nhà H4. Thấy S đến, H và V ngồi lên xe để S chở đến nhà A.

Khi S chở V và H đến sân bóng đá Bông M (*gần nhà A*) thì không thấy H4 nên quay xe đi về thì H4 đến. Tại đây, cả 04 (*bốn*) người thống nhất vào nhà Anh để giải quyết mâu thuẫn. Lúc này, H cầm 02 (*hai*) đoạn cây gỗ, V cầm 01 (*một*) đoạn cây gỗ ở hàng rào gần đó với mục đích để chống đỡ nếu Anh có đánh. Sự chở V đi trước, H4 chở H theo sau. Trước khi đi, trong cốp xe của H4 đã có con dao (*con dao này vợ H4 thường bỏ trong cốp để đi bán thịt heo*). Đến cổng nhà A, V vút khúc cây xuống

đường bê tông, H4 đi trước vào cổng, S đi theo sau, H4 và S không mang theo gì. H cầm hai khúc cây trên hai tay đi theo nhưng bị V giữ lại không cho vào cổng. Lúc này, Anh ngồi trên xe ô tô đang nổ máy và bật đèn xe, H4 đi bộ vào, đứng ở cửa xe bên tài bảo Anh xuống xe nói chuyện nhưng Anh không chịu xuống, H4 hỏi lý do tại sao nói hỗn với H4 trong khi H4 lớn tuổi hơn A. Hai bên nói chuyện qua lại, sau đó Anh trên tay có cầm con dao đẩy cửa xe bước ra, nhìn thấy con dao hướng về phía mình nên H4 dùng tay phải chụp lấy lưỡi dao nên bị thương ở ngón III, IV gan bàn tay phải. Sau đó, H4 chạy ra mở cốp xe lấy 01 (một) con dao, Vũ nhặt lại khúc cây bên đường. Thấy vậy, A chạy vào trong sân. Lúc này H cầm khúc cây đi vào sân chỗ Anh đứng, đánh trúng vai trái của A và khúc cây bị rơi tại đó, rồi H chạy ra ngoài cổng. Bị H đánh nên A mở cốp xe lấy 01 (một) tuýp sắt cầm trên tay trái. V cầm khúc cây từ cổng giơ lên cao xông vào nhưng dừng lại trước đầu xe ô tô rồi đi ra cổng, H giằng lấy khúc cây trên tay V nhưng V không đưa. Thấy nhóm của H4 đông và có cầm hung khí nên A gọi lớn “Ba, Ba ra đây cứu con”. Lúc này, H4 đem con dao đang cầm trên tay để vào lại trong cốp xe. Ông Cao Thanh L (*cha ruột Anh*) nghe tiếng Anh gọi thì đi ra ngoài cổng đứng nói chuyện với Trần Thanh H4 và Nguyễn Nhật S. Do sợ ông L bị nhóm của H4 đánh nên A một tay cầm dao, một tay cầm tuýp sắt chạy ra để kéo ông L vào. Thấy A chạy ra thì H4 và những người đi cùng tản ra. Anh chạy vào lại bên trong và tiếp tục cầm dao và tuýp sắt chạy ra, mọi người lùi lại phía sau, còn H4 cầm sẵn cục đá trên tay trái. Anh đi vào lại phía trong rồi tiếp tục quay ra cổng, một tay cầm dao một tay cầm tuýp sắt chém từ trên xuống vào người S nhưng không trúng. Liền lúc đó, H4 đang cầm cục đá bên tay trái chuyển qua tay phải ném thẳng về phía Anh trúng vào Anh làm Anh ngã xuống đất, đồng thời con dao trên tay Anh cũng rơi xuống. Thấy vậy, H, S xông vào dùng chân đè A. Lúc đó, anh Hồ Đức T3 và anh Phạm Đức C vào can ngăn không cho S và H đè Anh nữa. Thấy Anh bị nhiều người vây quanh, ông L xông vào nhưng bị V kéo và xô ông L ra, dùng tay phải đánh vào người ông L. Trong lúc hỗn loạn, ông L nhặt khúc cây đánh trúng vào người Phan Văn O, là người tham gia can ngăn. Sau sự việc, Anh được mọi người đưa đến Bệnh viện Đ cấp cứu, điều trị đến ngày 11/7/2022 ra viện.

* Tại Bản Kết luận giám định thương tích số 290/GĐTT.22 ngày 12/7/2022 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Q kết luận Trần Thanh H4 (*bị thương tích với tỉ lệ 02% (hai phần trăm)*).

* Tại Bản Kết luận giám định thương tích số 291/GĐTT.22 ngày 13/7/2022 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Q kết luận Cao Thanh A bị thương tích với tỉ lệ là 21% (*hai mươi một phần trăm*).

* Tại Bản kết luận giám định bổ sung thương tích số 355/GĐTT.22 ngày 17/8/2022 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Q đối với Cao Thanh A kết quả như sau:

+ Vùng mặt, quanh hốc mắt trái và sống mũi có nhiều vết xát da, rách dập da đã lành sẹo tập trung trên diện dài 7,5cm, chỗ rộng nhất 6,5cm, vết lớn nhất rách dập da ngang qua vùng sống mũi dài 3,5cm, rộng 0,2cm. Tỉ lệ thương tích: 06%.

Gãy xương chính mũi đã được phẫu thuật nâng chỉnh hình xương chính mũi tạm ổn. Tỉ

lệ thương tích: 09%. Vết thương do vật tày có diện không bằng phẳng tác động gây nên.

+ Vùng cổ phía trước bên phải đến hố thượng đòn bên phải có vết xát da không liên tục đã lành sẹo dài 4cm, rộng 2,5cm. Vết thương này do vật tày tác động gây nên. Hướng từ trước ra sau. Tỷ lệ thương tích: 01%;

+ Dấu thâm tím tụ máu lan tỏa dưới da trước trong vai trái đã lành. Trước trong vai trái có vết xát da không liên tục đã lành sẹo dài 2,5cm, rộng 1,5cm. Vết thương này do vật tày tác động gây nên. Hướng từ trước ra sau. Tỷ lệ thương tích: 01%;

+ Vùng lưng và bả vai hai bên có nhiều vết xát da đã lành sẹo tập trung trên diện dài 30cm, chỗ rộng nhất 13cm, vết lớn nhất trên nền xương bả vai trái dài 4cm, rộng 0,3cm. Các vết thương này do vật tày có cạnh tác động gây nên, theo nhiều chiều hướng khác nhau. Tỷ lệ thương tích: 02%;

+ Mặt sau trong đoạn 1/3 dưới cánh tay đến khuỷu tay bên trái có nhiều vết xát da đã lành sẹo tập trung trên diện dài 8cm, rộng 6cm, vết lớn nhất dài 3cm, rộng 0,3cm. Các vết thương này do vật tày có cạnh tác động gây nên, theo nhiều chiều hướng khác nhau. Tỷ lệ thương tích: 01%.

Kết luận giám định xác định tỉ lệ thương tích tại thời điểm hiện tại theo phương pháp cộng dồn là 19%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025/HS-ST ngày 13/06/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, thành phố Đà Nẵng (*nay là TAND khu vực 7, TP Đà Nẵng*) đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nhật S, Lê Tự V, Trần Đông H phạm tội “ *Cố ý gây thương tích* ”

Về Hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Các bị cáo Nguyễn Nhật S, Lê Tự V, Trần Đông H mỗi bị cáo 06 (*sáu*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt của bị cáo Trần Thanh H4 (*nhưng bị cáo H4 không có kháng cáo, không bị kháng nghị, kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm*), về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13 tháng 06 năm 2025, các bị cáo Nguyễn Nhật S, Lê Tự V, Trần Đông H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18 tháng 06 năm 2025, bị hại là ông Cao Thanh A có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt cho cả 03 (*ba*) bị cáo Nguyễn Nhật S, Lê Tự V, Trần Đông H được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thúc, các bị cáo Nguyễn Nhật S, Lê Tự V, Trần Đông H giữ nguyên nội dung đơn kháng đồng thời bổ sung nội dung xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để có điều kiện làm ăn lo cho gia đình và các con.

Bị hại ông Cao Thanh A giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo, có điều kiện lo cho gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của bị hại trong hạn luật định nên đảm bảo và hợp lệ theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Nhật S, Lê Tự V, Trần Đông H thừa nhận đã có hành vi tham gia cùng với Trần Thanh H4 vào việc xô xát gây ra thương tích cho ông Cao Thanh A với tỷ lệ 19%. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025- HSST ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam (*nay là TAND khu vực 7, TP Đà Nẵng*) đã xét xử Trần Thanh H4 và các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét khi quyết định Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm tham gia của các bị cáo, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, qua đó xử phạt mỗi bị cáo 06 (*sáu*) tháng tù là phù hợp. Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm, người bị hại ông Cao Thanh A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo, đồng thời các bị cáo còn bổ sung đơn giao nhận tiền của ông A, đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn (*có xác nhận của chính quyền địa phương sở tại*) là tình tiết mới phát sinh ở phúc thẩm; Tuy nhiên, Đại diện Viện kiểm sát xét thấy các tình tiết này cũng không làm thay đổi về hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo; Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của bị hại là ông A; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Nhật S, Lê Tự V, Trần Đông H khai nhận, do trước đó giữa Trần Thanh H4 và anh Cao Thanh A có mâu thuẫn trong việc va quẹt xe khi tham gia giao thông đường bộ, anh Cao Thanh A, nghĩ H4 hăm dọa mình nên ngày 04/7/2022 anh Cao Thanh A chủ động điện thoại nói lời khiêu khích thách thức đối với anh Trần Thanh H4 đến nhà anh A giải quyết mâu thuẫn, vì lý do trên, khoảng 21 giờ 13 phút cùng ngày các bị cáo có cùng đi với anh Trần Thanh H4 đến nhà anh Cao Thanh A tại thôn B, xã T, huyện P (*nay là xã P, thành phố Đà Nẵng*) nhằm giải quyết mâu thuẫn, tại đây giữa nhóm của các bị cáo và ông Cao Thanh A có xảy ra xô xát đánh nhau, anh A sử dụng dao và tuýp sắt chém bị cáo S nhưng không trúng, thấy vậy anh H4 có cầm cục đá ném về phía anh A trúng vào người làm cho anh A ngã xuống đất, đồng thời con dao do anh A đang cầm trên tay cũng rơi xuống đất, lúc này các bị cáo H và S xông vào dùng chân đè ông A, sau đó được mọi người can ngăn và đưa anh A đi cấp cứu; hậu quả anh A bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 19%. Vì vậy, các bị cáo thừa nhận Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2025/HSST ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam (*nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 thành phố Đà Nẵng*) xét xử các bị cáo cùng đồng phạm với Trần Thanh H4 về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS là đúng pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo cho rằng anh A bị thương tích 19% chủ yếu là do chính anh H4 gây ra, các bị cáo chỉ tham gia với vai trò thứ yếu, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 06 (*sáu*)

tháng tù và cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội để cải tạo, giáo dục là có phần nghiêm khắc, hiện tại hoàn cảnh gia đình của các bị cáo rất khó khăn, các bị cáo đều là những người lao động chính trong gia đình, sau khi vụ việc xảy ra, các bị cáo đã biết ăn năn hối cải cho hành vi phạm tội của mình, và người bị hại ông A cũng có đơn kháng cáo xin cho các bị cáo được hưởng án treo, vì vậy, các bị cáo xin HĐXX xem xét mở lượng khoan hồng cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, để có điều kiện làm ăn lo cho gia đình và các con ăn học;

[2]. Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo và người bị hại ông Cao Thanh A, HĐXX nhận thấy.

[2.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm đến khách thể là quyền con người luôn được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, do đó việc các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết; Xét khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, qua đó xử phạt mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù là phù hợp.

[2.2] Tuy nhiên, HĐXX cấp phúc thẩm thấy trong vụ án này các bị cáo V, H, S chỉ tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể, thương tích 19% của bị hại chủ yếu là do bị cáo H4 gây ra, sau khi vụ việc được phát hiện, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên các bị cáo đã tự nguyện bồi thường tiền chi phí thuốc men điều trị cho người bị hại (ông A), quá trình điều tra, truy tố xét xử tại cấp sơ thẩm bị hại (ông A) đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, sau khi xét xử sơ thẩm người bị hại (ông A) tiếp tục có đơn kháng cáo xin HĐXX cấp phúc thẩm mở lượng khoan hồng xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo, để có điều kiện làm ăn lo cho gia đình, đồng thời bổ sung đơn trình bày điều kiện hoàn cảnh gia đình khó, quá trình sinh sống, tại địa phương các bị cáo (S, H) luôn chấp hành tốt các chủ trương đường lối chính sách pháp luật của nhà nước, là công dân tốt, (có xác nhận của chính quyền địa phương), đây là những tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, mặt khác người bị hại cũng có một phần lỗi chủ động điện thoại thách thức, khiêu khích và có sử dụng hung khí tấn công chém bị cáo S trước, về nhân thân các bị cáo (S, H) chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, tham gia với vai trò thứ yếu, quá trình điều tra, truy tố xét xử tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm các bị cáo (S, H) khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải cho hành vi phạm tội của mình, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra nhanh chóng kết thúc vụ án, hơn nữa bị cáo H là (em ruột), bị cáo S (em rể) của bị cáo H4 trong cùng vụ án đã bị xét xử phạt tù cách ly ra ngoài xã hội, xét hai bị cáo (S và H) có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này các bị cáo (S, H) chưa vi phạm về pháp luật, là công dân tốt tại địa phương, chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân tại nơi cư trú, xét các bị cáo (S, H) có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các (b,s) khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, đối chiếu với quy định của pháp luật như đã nêu trên, xét các bị cáo (S, H) có đủ điều kiện được hưởng án treo tại Văn bản hợp nhất số: 02/VBHN - TANDTC ngày 07/9/2022, Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo tại các Nghị quyết số: 02/2018/NQHĐTP ngày 15/5/2018 và

Nghị quyết số 01/2022/NQHĐTP ngày 15/4/2022, Vì vậy, HĐXX cấp phúc thẩm nhận thấy không cần thiết phải bắt bị cáo (S, H) đi chấp hành hình phạt tù cũng không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, các bị cáo (S, H) cũng có khả năng tự cải tạo tại địa phương làm người công dân tốt, vừa có ích cho gia đình và xã hội điều đó mang ý nghĩa thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội đã thật sự ăn năn hối cải, đồng thời cũng thể hiện tính nhân văn đối với người thân trong gia đình của các bị cáo. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo (S, H) và kháng cáo của (bị hại) anh A, giữ nguyên mức hình phạt, sửa bản án sơ thẩm cho các bị cáo (S, H) được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS, nhằm thể hiện tính khoan hồng nhân đạo đối với người phạm tội, và tính nhân văn đối với người thân trong gia đình của bị cáo (S, H) là phù hợp.

[2.3] Riêng đối với bị cáo V, HĐXX xét thấy, bản thân bị cáo có nhân thân không tốt trước đó vào những năm 2013 và 2017 đã từng bị Công an thị trấn T, tỉnh Quảng Nam (cũ) ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác, nhưng không lấy đó làm bài học để tu chí làm ăn lương thiện, làm người công dân tốt, mà tiếp tục tham gia phạm tội cũng với hành vi trên, vì vậy, việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội để răn đe, giáo dục bị cáo là cần thiết. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cũng như kháng cáo của bị hại anh A, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa là phù hợp,

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bị cáo V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, các bị cáo S và H do được chấp nhận kháng cáo, nên không phải chịu án phí HSPT theo quy định pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS.

1.1 Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tự V và một phần kháng cáo của (bị hại) ông Cao Thanh A, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với Lê Tự V.

1.2. Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 58 và Điều 38 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Xử phạt: Bị cáo **Lê Tự V: 06 (sáu)** tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

II. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

2.1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Nhật S, Trần Đông H và kháng cáo của (bị hại) ông Cao Thanh A, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS.

2.2. Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự;

2.2.1. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Nhật S: 06 (sáu)** tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 21/8/2025.

2.2.2. Xử phạt: Bị cáo **Trần Đông H: 06 (sáu)** tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 21/8/2025.

Tuyên giao các bị cáo Nguyễn Nhật S và Trần Đông H về Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Đà Nẵng giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (*hai*) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

III. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

3.1. Bị cáo Lê Tự V phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3.2. Các bị Nguyễn Nhật S và Trần Đông H không phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

IV. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

V. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo S, H)

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATP Đà Nẵng;
- TAND khu vực 7 – TPĐN;
- VKSND khu vực 7 – TPĐN;
- Cơ quan CSĐT CATPĐN;
- Phòng THADS khu vực 7 – TPĐN;
- Bị cáo và những người TGGT;
- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Vĩnh Chuyên

